

Vua Minh Mệnh với việc bảo vệ biển đảo Miền Trung

Trần Thị Thanh Huyền *

Tóm tắt: Việc bảo vệ, giữ gìn an ninh biển đảo là vô cùng quan trọng đối với một đất nước ba mặt giáp biển như nước ta. Ý thức được điều đó, trong lịch sử, có nhiều vị minh quân đã đưa ra các biện pháp quan trọng để bảo vệ chủ quyền lãnh hải. Trong thời gian trị vì của vua Minh Mệnh (1820 - 1840), ông đã ban nhiều chính sách để nhằm củng cố và quản lý một cách hiệu quả hệ thống biển đảo đất nước và đã thu được nhiều kết quả tốt. Việc tìm hiểu những chính sách Minh Mệnh đã ban hành và những kết quả mà ông đã thu được đối với hệ thống biển đảo đất nước nói chung và Miền Trung nói riêng sẽ giúp chúng ta có cái nhìn đầy đủ về ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo của ông cha. Từ đó, giúp thế hệ những người Việt Nam hiện nay cũng như tương lai có ý thức hơn trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo của dân tộc.

Từ khóa: Vua Minh Mệnh; biển đảo; Miền Trung; bảo vệ.

1. Mở đầu

Gia Long khi lên ngôi 1802 đã định đô ở Phú Xuân, Huế. Theo phân tích của Minh Mệnh: “lấy hình thế nước ta mà nói, Gia Định thì dòng sông quanh co, Bắc thành thì đồng nội bằng phẳng, đều không có chỗ hiểm yếu đáng cậy được. Bình Định địa thế hơi mạnh nhưng lại chật hẹp; Quảng Nam non nước cũng tốt, nhưng lại lệch xiêu; cả đến Quảng Bình, Thanh Hoa đều không phải là chỗ đóng kinh đô được. Tóm lại không đâu bằng Phú Xuân, đất cát cao sáng, núi sông yên lặng; đường thủy thì có Thuận An, Tư Dung là nơi hiểm yếu, đường bộ thì có Quảng Bình, Hải Vân, ngăn che sông lớn quanh quất ở đằng trước, đèo cao giữ ở bên hữu, rồng lượn hồ ngồi, thế khỏe hình mạnh. Đó là trời đất đặt ra để làm chỗ cho liệt thánh ta đóng đô mà để lại cho con cháu đến ức muôn năm mãi mãi” [5, q.2, tr.759]. Nhưng rõ ràng chúng ta có thể thấy được rằng, việc định đô ở Huế thì phía biển

sẽ là mối nguy lớn với địa hình hẹp ngang hướng ra biển này.

Bên cạnh đó, cuối thế kỷ XIX, các nước Phương Tây đang tích cực tìm các vùng đất mới làm thuộc địa, trong đó có Việt Nam. Minh Mệnh rất ý thức được sự nguy hiểm từ việc nhòm ngó của các nước Phương Tây vào nước ta theo đường biển: “Và nơi sung yếu thì không nơi nào sánh bằng đảo Sơn Trà, tàu nước ngoài đến nước ta chỉ có nơi này có thể đậu được, mà chướng khí rất dữ, giếng độc hơn 10 cái. Trước có tàu Tây dương tránh gió đến đây, cuối cùng bị nước độc làm hại. Do đấy mà nói rằng người ngoại quốc dù có muốn dòm ngó cũng không sao làm được. Hơn nữa ta lại giữ được chỗ hiểm để có thể vận dụng tàu thuyền kia mà” [5, q.2, tr.759].

(*) Thạc sĩ, Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 0906656206.
Email: tranhuyen.vsh@gmail.com.

Như vậy trong suy nghĩ của Minh Mệnh, kinh đô Huế là nơi có vị trí tốt để xây dựng thành trì. Nhưng mặt khác ông cũng hết sức lo lắng trước mối đe dọa từ nước ngoài về tương lai của Việt Nam, nên ông coi cửa Thuận An, Tư Dung là nơi xung yếu giữ gìn cảnh giác cao độ đối với tàu Phương Tây. Ông luôn luôn cảnh giác và nhắc cận thần của mình: “Việc trị quốc phải biết lo xa... Người có nước có hai việc sửa đức và thiết hiềm đều không thể thiếu được. Nay Trẫm đóng tàu bọc đồng là muốn giữ những chỗ yếu hại ven biển, làm xưởng chứa sẵn đầy, để lúc có việc dùng đến” [5, q.2, tr.758 - 759]. Vì thế, trong thời kỳ này hệ thống biển đảo Miền Trung được Minh Mệnh hết sức chú ý.

2. Những hoạt động của Minh Mệnh trong việc tăng cường bảo vệ hệ thống biển đảo.

2.1. Coi trọng thủy quân

Ông coi trọng tăng cường quân bị, xây dựng lực lượng hải quân, “lấy thủy quân làm trọng” và tự hào về “thủy quân”. Vua Minh Mệnh cho rằng: “Binh có thể không sử dụng trong trăm năm, nhưng không thể không chuẩn bị trong một ngày” [4, q.14, tr.9]. Trong xây dựng quân đội, cũng như Gia Long, Minh Mệnh rất coi trọng xây dựng hải quân. Ông nhấn mạnh: “Nhà nước ở về phương Nam, đất nhiều phần biển, thủy quân là rất quan trọng, chính nên huấn luyện khiến cho thông thuộc biết rõ đường biển thì lúc có việc mới mong đắc lực” [5, q.4, tr.708].

Ông ra sức đẩy mạnh sự nghiệp hàng hải của đất nước, khuyến khích đóng các loại tàu thuyền bền chắc, xây dựng thủy quân vững mạnh, hết sức quan tâm nền an ninh cõi biển và phòng thủ biển. Ông đã ban bố

nhiều quy chế (“Tuần dương chương trình”, “tuần thuyền quy thức” và “tuần dương xử phạt lệ”...) nhằm mục đích chống cướp biển, trạm dương và giữ gìn an ninh cho các loại tàu thuyền hoạt động ven biển. “Vua bảo Bộ Binh rằng: trước đã giáng dụ, hằng năm thuyền binh ở Kinh đi tuần biển, cứ tuần đầu tháng 2 thì phái đi, nay khi trời tạnh sáng, đường biển thuận tiện, chính là thời kỳ thuyền buôn đi lại, phải dự trước việc canh phòng tuần tiễu, cho bờ biển được nghiêm,... cứ từ Thừa Thiên trở vào Nam đến Bình Thuận chia nhau đốc thúc đi lại tuần phòng, nếu gặp giặc thì chặn bắt. Lại truyền chỉ cho các tỉnh Quảng Nam đến Bình Thuận cũng đều lập tức phái đi tuần biển, không cứ hạn tháng 2” [5, q.5, tr.242].

Ý thức coi trọng hải quân của vua Minh Mệnh cũng được thể hiện trong hình vẽ về chiếc vạc Cửu Đinh được đúc năm 1836 rồi cất giấu trong hoàng cung Huế. Những hình vẽ phản ánh về lực lượng quân sự trên vạc Cửu Đinh chủ yếu là hỏa khí và tàu thuyền, những hình vẽ về tàu thuyền chủ yếu bao gồm các tàu trên biển. Để đối phó với bọn cướp biển, vua Minh Mệnh còn đích thân chỉ đạo xây dựng kế hoạch đóng các loại tàu tuần dương cỡ vừa (giữa tàu bọc đồng lớn) và tàu Ô lê nhỏ (nhanh nhẹn có khả năng tấn công). Ông cũng ý thức được sự bất cập của hải triều Nguyễn và chiến pháp của nó, yêu cầu các đại thần học tập chiến thuật đánh thủy của Anh và Mỹ. Trong đó ông nhận định rằng: “Trong các nước Phương Tây chỉ có Xích Mao và Ma Li Căn giỏi thủy chiến, tàu của họ hoặc thuận chiều gió, hoặc ngược chiều gió đều rất nhanh nhẹn,... thật đáng để học tập” [4, q.14, tr.38]. Ông còn yêu cầu Binh Bộ thượng

thư Trương Đăng Quế đi tham quan đội hình thủy chiến của các nước Phương Tây và tham khảo để lấy làm biện pháp tập luyện của hải quân” [5, q.5, tr.107].

Ông là người rất có ý thức trong việc học hỏi các công nghệ mới tiên tiến. Nhập khẩu và thử chế tạo đồ vật của Phương Tây, “học tập cái tốt của thiên hạ” với ý thức học tập kỹ thuật biển tiên tiến của Phương Tây. Tuy Minh Mệnh chưa ý thức được sự biến đổi căn bản và ý nghĩa của nó, nhưng ông đã thấy được những tiến bộ về kỹ thuật của những đồ vật Phương Tây. Ít lâu sau khi ông lên ngôi, ông đã dụ cho cả nước “tìm những người Phương Tây cư trú trong nước Việt Nam, dẫn họ sang kinh đô, cử họ về Phương Tây, tìm các loại thợ về Việt Nam để chế tạo đồ vật” [8, tr.164], và lệnh cho thợ Việt Nam học tập kỹ nghệ của họ, chế tạo tàu bọc đồng, chế tạo những đồ vật tinh xảo. Trong khi lệnh cho thợ Việt Nam phỏng theo Phương Tây để chế tạo xe hơi nước, vua Minh Mệnh hạ dụ cho các đại thần Võ khố rằng: “Vương giả lấy điều hay của thiên hạ làm điều hay của mình; xe ấy dầu là người ngoại Di chế ra, nhưng khéo lạ có thể dùng được, bắt chước mà làm cũng không hại gì; nếu bảo là không cần học của họ thì là thô lậu thôi” [5, q.2, tr.520].

2.2. Thường xuyên cử các đoàn đi hàng hải và công cán các nước để tìm hiểu tình hình Châu Á

Ông không ngừng tìm hiểu tình hình Trung Quốc bằng triều cống định kỳ và cử tàu thuyền sang Quảng Châu và Hạ Môn (Trung Quốc). Sau vua Gia Long, vua Minh Mệnh tiếp tục đề xướng và ủng hộ sự nghiệp hàng hải ở hải ngoại, hầu như năm nào ông cũng cử đội thuyền triều đình hàng

hải đến các nước Đông Nam Á, hải đảo ở vùng Hạ Châu (Singapore). Ông từng cử người hàng hải đến Minh Ca ở miền Đông Ấn Độ (vùng “tiểu Tây Dương”), hình thành hiện tượng công cán hải ngoại quy mô lớn liên tục. Theo ghi chép của *Đại Nam thực lục*, từ năm Minh Mệnh thứ 3 (1822) đến năm Minh Mệnh thứ 21 (1840), vua Minh Mệnh ít nhất đã cử 30 đợt các quan viên văn võ, đi tổng cộng khoảng 60 con tàu/ lượt bọc đồng lớn nhỏ (như các tàu “Phấn Bằng”, “Thụy Long”, “Định Dương”, “Bình Ba”...) đến vùng Hạ Châu và tiểu Tây Dương, Indonesia, Philippines...

Ông ý thức được mối đe dọa của Phương Tây và tình hình đang thay đổi ở Trung Quốc. Ông đưa ra “thuật phòng ngừa người Tây” của mình: “Họ đến cũng không cự, họ đi cũng không theo, chỉ đối đãi coi như người Di Địch thôi. Nếu có người Phương Tây sang mậu dịch thì chỉ cho phép họ mậu dịch ở những nơi quy định như cảng Đà Nẵng và Sơn Trà, xong thì bảo họ đi, không cho phép họ cư trú trên bờ, cũng không cho phép nhân dân làm buôn với họ để tránh việc bé xé ra to” [5, q.5, tr.829].

2.3. Tăng cường phòng ngự ở vùng bờ biển Miền Trung

Mặc dù trong thời bình nhưng ông luôn ý thức được phần nào nguy cơ nghiêm trọng từ các nước Phương Tây. Chính vì thế, ông tăng cường tuyên phòng thủ ở Miền Trung.

Cảng Đà Nẵng là nơi neo đậu của tàu thuyền Phương Tây sang mậu dịch ở Việt Nam. Vua Minh Mệnh cho rằng: “Đây là nơi xung yếu nhất của cõi biển, tàu thuyền Phương Tây nhất định qua” [5, q.5, tr.103], cho nên, ông đã cho xây dựng một hệ thống

phòng thủ nhiều mặt, nhiều lớp. Lực lượng quân đội bố phòng ở cửa biển Đà Nẵng cũng được tăng cường theo thời gian. Năm 1836, quân số giữ cửa biển Đà Nẵng là 39 người, đặt dưới sự chỉ huy của quan lĩnh binh tỉnh Quảng Nam [2, tr.57]. Quy mô của hệ thống phòng thủ và sự quan tâm của triều đình trong việc bố phòng chứng tỏ triều đình Nguyễn rất chú trọng đến cửa biển Đà Nẵng, coi đó là quân cảng và thương cảng hàng đầu của nước ta vào thế kỷ XIX.

Các đồn lũy ở nội thị Đà Nẵng được ông lệnh cho xây lại bằng gạch; đó là các thành Điện Hải (ở bên trái cửa Đà Nẵng) vào năm 1823, An Hải (bên phải cửa Đà Nẵng) vào năm 1830. Bên cạnh đó, năm 1823, ông tiếp tục xây dựng pháo đài Định Hải ở phía tây bắc; năm 1840, ông cho xây dựng pháo đài Phòng Hải, Trấn Dương ở phía đông bắc. Năm 1829, vua Minh Mệnh ra dụ cho Bộ Binh rằng: “Pháo đài Trấn Hải ở Kinh sư, pháo đài Định Hải ở Quảng Nam đều là chỗ xung yếu, nên dù lúc vô sự, việc canh phòng cũng không thể bỏ qua. Bộ ấy nên truyền bảo quan binh trú phòng ở hai pháo đài ấy hết thảy súng đạn, khí giới, quân nhu lúc nào cũng dự bị đầy đủ để phòng lúc bất ngờ” [6, t.3, tr.237]. Chỉ huy thành Điện Hải và An Hải là quan thành Thủ úy. Năm 1822, triều đình bổ nhiệm chức quan Vệ úy lĩnh 200 binh các ban trực đi đến đóng giữ đài Định Hải. Năm 1823, vua Minh Mệnh lại cho phái 20 lính ở các đội cơ binh hoặc cường tráng, đội nào đủ số thì giao cho một viên suất đội cai quản binh ấy, đến canh giữ ở đài Điện Hải. Đến năm 1830, số quân của cả hai thành Điện Hải và An Hải là 500 người [2, tr.59]. Năm 1825, Minh

Mệnh thân hành đi khảo sát thành Điện Hải với 26 quan chức đi hộ tòng để có những giải pháp tối ưu cho việc phòng thủ cảng Đà Nẵng. Năm 1840, trước những biến động dồn dập ở vùng Biển Đông, Minh Mệnh càng tăng cường phòng thủ cho hai thành này như thêm các tàu lớn, thêm 500 - 600 quân để bảo vệ cho hai thành trên. Ông liên tục ra các chỉ dụ để nhắc nhở quần thần trong việc bảo vệ Đà Nẵng. Năm 1840, ông ban dụ: “Hai thành An Hải và Điện Hải hiện đặt số súng đại bác khá nhiều, cho phái lấy một viên suất đội ở vệ Cảnh Tắt hoặc ở doanh Thần Cơ và 20 tên lính ở đội Hộ Vệ, Cảnh Tắt; cứ mùng 1 tháng 8 đến coi giữ các thành ấy, mỗi tháng một lần thay đổi” [3, t.2, tr.255]. Những chỉ dụ và việc tăng cường lực lượng quân đội, quan chức ở vùng biển Quảng Nam, Đà Nẵng, chứng tỏ vua Minh Mệnh đã dành sự quan tâm đặc biệt đối với việc phòng thủ ở cảng Đà Nẵng. Đây là nơi duy nhất vua Minh Mệnh tiếp nhận các tàu của Phương Tây ra vào buôn bán. Để bảo vệ cho Đà Nẵng, còn có một hệ thống đồn lũy kiên cố như: Hải Châu, Phương Ninh, Thạc Gián (ở bên trái), Hóa Khuê, Mỹ Thị (ở bên phải). Ngoài ra còn một loạt các pháo đài khác để bảo vệ bình yên lãnh thổ, đặc biệt là dọc bờ biển Miền Trung.

Phía bắc Đà Nẵng (từ Hải Vân vào Đà Nẵng) có 7 trạm thông tin cấp báo. Năm 1826, Minh Mệnh cho xây dựng Hải Vân quan - điểm xung yếu để xây dựng kinh đô Huế. Năm 1837, Minh Mạng cho xây dựng 10 vọng lâu từ cửa biển Thuận An đến kinh thành để cấp báo. Năm 1832, số lính thuộc lệ tấn thủ cửa biển Thuận An là 124 người [2, tr.71].

Đồng thời, ông coi trọng cải cách binh chế, yêu cầu thủy quân học tập chiến thuật thủy chiến của Phương Tây, ngày đêm tập dượt để tăng sức chiến đấu phòng ngự biển. Năm 1837, “cấp thêm kính thiên lý cho cửa biển Thuận An. Vua sai chọn phái 1 người thị vệ hoặc đội Kinh sang, Cảnh tất, Hộ vệ đã quen thạo nom dòm, chỉ đạo cho bọn quản vệ, suất đội tấn thủ, thủ ngự ở cửa biển ấy học tập, cứ mỗi 10 ngày, Bộ Công 1 lần phái đến sát hạch, nếu chưa hiểu gia một hạn nữa, đến 3 hạn mà không thể am hiểu, thì phạt tội xuy, nếu học đã biết cách, chuẩn cho hằng ngày đến vọng lâu kỳ đài Trấn Hải để dòm trông, phàm có thuyền công đi ở mặt biển, hoặc thuyền quân, thuyền buôn của nước ngoài lảng vảng trên mặt biển, tức thì xét rõ, báo bộ tâu lên, nếu có làm lẫn để lỡ việc, phải trị tội nặng. Lại phái thị vệ hiểu rõ phép trông, đem cấp cho các tỉnh: Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa, mỗi tỉnh một ống, rồi ở lại đấy vài ngày để chỉ bảo cách nom dòm và mở đóng lau chùi” [5, q.5, tr.129].

Hệ thống phòng thủ biển ở Miền Trung, ngoài hai hệ thống công sự quan trọng hàng đầu của đất nước là Đà Nẵng và Thuận An, còn có các tấn sở ở Tả Trục (Quảng Nam, Quảng Ngãi), Hữu Trục (Quảng Trị, Quảng Bình), Tả Kỳ (Bình Định, Phú Yên), Hữu Kỳ (Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa)... Tất cả những hệ thống công sự này đều được Minh Mệnh thường xuyên đôn đốc và tăng cường hệ thống phòng bị.

2.4. Thường xuyên đi thăm dò, đo đạc, khảo sát những đảo, quần đảo ở khu vực biển Miền Trung

Vào thời Gia Long đã có việc thăm dò các đảo và quần đảo ở khu vực Miền Trung, đặc biệt là Hoàng Sa. Nhưng đến thời Minh

Mệnh việc thăm dò và khảo sát đo đạc quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa được nhà nước tiến hành thường xuyên hơn, có quy mô rộng lớn hơn và cụ thể hơn.

Đại Nam thực lục cho biết: “Tháng 3, mùa xuân năm Giáp Ngọ niên hiệu Minh Mệnh thứ 15 (1834), sai Giám thành đội trưởng Trương Thúc Sĩ cùng thủy quân hơn 20 người đi thuyền đến đảo Hoàng Sa thuộc Quảng Ngãi vẽ bản đồ” (Văn bản thứ 5 (văn bản Lý Sơn) ghi ngày 15 tháng 4 năm Minh Mệnh thứ 15 (1834)). Hai năm sau, việc khảo sát quần đảo Hoàng Sa được Minh Mệnh ra lệnh hết sức cụ thể và với quy mô lớn hơn. Hơn nữa vua Minh Mệnh còn cho cấm mốc khẳng định chủ quyền quốc gia: “Tháng giêng mùa xuân năm Bính Thân niên hiệu thứ 17 (1836). Bộ Công tâu: cương giới mặt biển của ta có xứ Hoàng Sa rất hiểm yếu. Trước đây, hằng năm thường phái người đi thăm dò khắp nơi để thông thuộc đường biển. Xin cho phép từ năm nay về sau mỗi khi đến hạ tuần tháng giêng, tuyển chọn phái biển binh thủy quân và Giám thành đáp một chiếc thuyền ô, đến thượng tuần tháng 2 thì tới hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định, theo bốn thuyền thuê của dân dẫn đường chờ đứng xứ Hoàng Sa, không kể đảo nào, hòn nào, bãi cát nào, phàm khi đến nơi thì xem xét ngay xứ đó chiều dài, chiều rộng, chiều cao thế nào chu vi và mực nước biển chung quanh, nông sâu có bãi ngầm, đá ngầm hay không, hình thế hiểm trở khó dễ thế nào, phải đo đạc tường tận, vẽ thành bản đồ. Lại ghi rõ ngày khởi hành, xuất phát từ cửa biển nào, đi thế nào để đến xứ đó, căn cứ vào đường đi ước tính bao nhiêu dặm. Lại từ xứ ấy trông vào bờ, chiếu thẳng vào tinh hạt nào, đối chéo là tinh hạt nào, cách bờ biển chừng bao nhiêu

dậm, nhất nhất ghi lại, thuyết minh rõ ràng, đem về dâng trình. Nhà vua chuẩn y lời tâu, sai suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật đem binh thuyền đi, lại cho mang theo 10 cọc gỗ đến đâu thì cắm vào làm mốc. Mỗi cọc gỗ dài 5 thước, rộng 5 tấc, dày 1 tấc. Trên mặt mỗi cọc gỗ khắc dòng chữ năm Bính Thân niên hiệu Minh Mệnh thứ 17 (1836), chánh đội trưởng Suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật vâng mệnh đến Hoàng Sa đo đạc và cắm mốc” [9, tr.144, 146, 148, 150].

Ngoài ra trong các tài liệu khác của triều Nguyễn, đặc biệt là các châu bản ghi chép rất rõ những chuyến đi khảo sát, thăm dò quần đảo Hoàng Sa. Vua Minh Mệnh trực tiếp đốc thúc thưởng phạt những người chịu trách nhiệm đi khảo sát quần đảo này. Châu bản thứ 2, ngày 13 tháng 7 năm Minh mệnh thứ 18 (1837) ghi lại: “Thần Hà Duy Phiên, thần Lý Văn Phúc vâng mệnh truyền dụ: trước đây đã phái Thủy sư, giám thành cùng binh dân thuyền 2 tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi đến khảo sát Hoàng Sa nay đã trở về. Trừ viên Thủy sư suất đội Phạm Văn Biện do kinh đô phái đi về quá hạn, viên dẫn đường do tỉnh phái đi là Vũ Văn Hùng, Phạm Văn Sinh, lái thuyền Lưu Đức Trực tất cả gồm 4 người đã có chỉ trách phạt, đánh đòn, còn dân binh cùng đoàn lính dênh trên biển khơi cũng rất vất vả, nên xem xét ban ân binh định mỗi viên thưởng cho 1 tháng lương tiền, dân phu mỗi viên thưởng tiền 2 quan, trong đó các viên phu thuyền do tỉnh sai phái đi cho về quê làm ăn, riêng viên Biện chức Giám thành phạm lỗi là Trương Viết Soái trước là Đốc biện trong coi việc luyện thuốc súng đã có sơ suất mắc lỗi bị xử phạt trăm giam hậu (chém đầu nhưng giam đến mùa thu mới xét xử), năm ngoái được sai phái đi Hoàng

Sa và đi hiệu lực xây dựng thành Gia Định để chuộc tội, nay được sai phái đi khảo sát Hoàng Sa. Tuy đã đến khảo sát 11 nơi bãi cát và các đảo, việc đo vẽ bản đồ chưa thật chu đáo nên nhiều lần bị đẩy đi làm việc khổ sai và cũng biết hối cải, vì vậy gia ân tha cho viên Trương Viết Soái, cho về làm lính ở vệ Giám thành, đợi sau tùy việc sai phái để cho viên đó chuộc lỗi cũ. Hãy tuân lệnh” [9, tr.22].

2.5. Thờ cúng thần biển

Minh Mệnh rất coi trọng hoạt động thờ thần biển, việc cầu mong thần biển phù hộ để được mưa thuận gió hòa, bình yên trong hoạt động trên biển, cửa biển thông suốt và vững chắc về phòng chống biển được coi là công việc hành chính quan trọng. Những thần biển thường được thờ cúng chủ yếu là Nam Hải Long Vương và Thái Dương Phu Nhân.

3. Kết luận

Thời kỳ Minh Mệnh là thời kỳ đỉnh cao của hoạt động biển và phát triển sự nghiệp biển của Việt Nam. Để xây dựng thủy quân hùng mạnh, phát triển hàng hải bảo đảm vận tải đường thủy ven biển, vua Minh Mệnh dành sự quan tâm theo dõi đặc biệt cho việc đóng tàu các loại và nâng cao kỹ thuật hàng hải. Trong thời kỳ Minh Mệnh, việc triều đình đóng nhiều tàu biển, đẩy mạnh học tập và huấn luyện về kỹ thuật hàng hải đều gắn chặt với những nhận thức và yêu cầu của Minh Mệnh. Vì thế, mặc dù trong thời gian ông trị vì có rất nhiều hoạt động quấy phá nhưng đất nước vẫn giữ nguyên được chủ quyền và yên ổn về mọi mặt.

Đối với việc khai thác và thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa, Minh Mệnh đã cho cắm mốc, dựng bia chủ quyền, lập

miếu thờ và trồng cây tại quần đảo Hoàng Sa. Đây là bằng chứng pháp lý của một nước đã thực thi chủ quyền trên vùng lãnh thổ của mình, là một chủ trương đúng đắn của triều đình Huế được thực hiện bắt đầu vào năm 1833. Hơn nữa, vua Minh Mệnh đã có bản vẽ tường tận hơn về quần đảo Hoàng Sa: “Ngày 1 tháng 7 mùa thu năm Mậu Tuất niên hiệu Minh Mệnh thứ 19 (1838),... viên ngoại lang Bộ Công là Đỗ Mậu Thường vâng mệnh đi thực hiện công vụ ở Hoàng Sa trở về đem bản đồ dâng trình. Nhà vua thấy viên này đi thăm dò nhiều nơi, đo vẽ tường tận, so với phái viên các lần trước thì hơn hẳn. Đỗ Mậu Thường và những người cùng đi làm việc được thưởng thêm quần áo và tiền [5, q.6, tr.355].

Ý thức về biển của vua Minh Mệnh là sự phát triển trên cơ sở kế thừa ý thức coi trọng biển của vua Gia Long, và cũng chịu ảnh hưởng của truyền thống coi trọng biển và tích cực triển khai hoạt động biển của các chúa Nguyễn vùng Quảng Nam. Biển đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành và phát triển của thế lực cát cứ các chúa Nguyễn. Các chúa Nguyễn rất chú ý triển khai hoạt động biển và phát triển sự nghiệp biển. Vua Gia Long nhờ vào biển để phát triển thế lực của mình. Thông qua việc bảo vệ biển đảo trên toàn cõi nói chung và ở Miền Trung nói riêng, chúng ta thấy được tầm nhìn của vị vua này.

Với vai trò vô cùng quan trọng cho việc trấn giữ quốc gia, vào thời Nguyễn hệ thống biển Miền Trung được tăng cường bảo vệ một cách nghiêm ngặt. Đặc biệt, dưới thời kỳ trị vì của Minh Mệnh, hệ thống phòng thủ biển cũng như các hoạt động thăm dò, hệ thống đảo ở đây được phát triển mạnh

mẽ. Với những nỗ lực của mình, Minh Mệnh đã xây dựng được một hệ thống phòng thủ biển tương đối tốt và đạt được bước tiến mới trong việc khẳng định chủ quyền lãnh thổ quốc gia ở quần đảo Hoàng Sa. Kết quả đó là sự kết hợp của việc phát huy thế mạnh dân tộc và việc học tập những tiến bộ từ bên ngoài - đó là điều mà chúng ta phải học tập.

Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Thuận An (2009), “Tờ Châu bản thời Bảo Đại khẳng định Hoàng Sa thuộc chủ quyền Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 9.
- [2] Đỗ Bang (2011), *Hệ thống phòng thủ miền Trung dưới triều Nguyễn*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [3] Nội các triều Nguyễn (1993), *Khâm Định Đại Nam hội điển sử lệ* (bản dịch), t.10, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [4] Quốc sử quán triều Nguyễn (Biên soạn) (1972), *Minh Mệnh Chính yếu*, q.14, Sài Gòn.
- [5] Quốc sử quán triều Nguyễn (1994), *Đại Nam thực lục* q.2, 3, 4, 5, 6 (bản dịch của Viện Sử học), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Quốc sử quán triều Nguyễn (1994), *Minh Mệnh chính yếu* t.1, 2, 3, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [7] Trần Đức Anh Sơn (2014), *Hoàng Sa, Trường Sa: tư liệu và quan điểm của học giả quốc tế*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
- [8] Phan Thúc Trực (1965), *Quốc sử di biên*, Đại học Hồng Kông Trung Văn, Sở Nghiên cứu Tân Á.
- [9] Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2014), *Một số tư liệu Hán Nôm về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

